

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Phan Thanh Tâm.

2/ Ông: Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang - Thư ký tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Nhựt Thanh - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Trần Văn T (tên gọi khác: không) sinh năm: 2000, tại: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn D, sinh năm: 1971 và con bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm: 1976; gia đình bị cáo: có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; vợ, con: chưa có; tiền sự: Ngày 02/11/2023 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền phạt là 3.000.000 đồng theo Quyết định số 21/QĐ-XPHC, bị cáo chưa chấp hành; Ngày 31/5/2023 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính số 42/QĐ-XPHC với số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp phạt; Ngày 26/02/2024 bị Công an xã T, huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính số 21/QĐ-XPHC với số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, chưa nộp phạt; tiền án: Ngày 15/12/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 76/2023/HSST (hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, tỉnh Đồng Tháp);

Nhân thân: Ngày 16/7/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 10/QĐ-UBND, thời hạn là 03

tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 16/10/2019; Ngày 06/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 27/QĐ-TA, thời hạn là 12 tháng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 24/8/2021; tạm giữ: không; tạm giam: không, hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Huỳnh Văn V, sinh năm: 1980; Trú tại: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn L, sinh năm: 1997; Trú tại: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Phạm Hùng N, sinh năm: 1968, vắng mặt.

2. Trần Văn D, sinh năm: 1971, có mặt.

3. Lê Thị Mỹ D1, sinh năm: 1996, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T có 01 tiền sự và 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản đồng thời bị cáo là người nghiện ma túy để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên vào lúc 17 giờ ngày 30/01/2024 bị cáo đi bộ từ nhà vào tuyến đường đal nội đồng, thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, mục đích là tìm xe mô tô lấy trộm bán tiêu xài cá nhân. Khi đi qua trại rẫy của anh Phan Hùng N1 thì T phát hiện một xe mô tô biển số 66H6-8169, nhãn hiệu SWEAR màu đỏ - đen của Huỳnh Văn V ngụ ấp B, xã T đang dựng ở gốc cây Me tây (cây cồng) trên xe có gắn chìa khóa và có treo một phích nhựa đựng nước màu đỏ bên hong trái xe và gần đó có một cái võng anh V đang nằm ngủ. Bị cáo đi đến gần bên xe, tháo phích nước bỏ lại tại chỗ, rồi dắt xe mô tô qua cầu kênh, dắt tiếp khoảng 05m, sau đó khởi động xe chạy về hướng khu dân cư ấp T, xã T rồi chạy xe đến xã K, huyện C, tỉnh An Giang để tìm chỗ bán xe. Lúc đó khoảng 19 giờ bị cáo đã bán xe cho anh Nguyễn Văn L với giá là 1.000.000 đồng, khi bán xe L có hỏi nguồn gốc xe, thì T có nói là xe của nhà T không có giấy tờ, thấy xe rẻ nên anh L mua với giá là 1.000.000 đồng, sau đó anh L chạy xe ôm đưa bị cáo về lại xã T với số tiền công là 150.000 đồng.

Về phía bị hại Huỳnh Văn V ngủ dậy phát hiện xe bị mất nên đã điện cho anh N1 hỏi có lấy xe không? anh N1 trả lời không có lấy, do đó đã cùng với anh

V chạy đi tìm xe nhưng không được, nên anh V báo với Công an xã T về việc bị mất trộm xe.

Về phía bị cáo T tự nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên sáng lại ngày 31/01/2024 đến Công an xã T tự thú khai nhận thực hiện lấy trộm xe mô tô của anh Huỳnh Văn V như đã nêu trên, đồng thời nộp lại số tiền bán xe còn lại là 650.000 đồng và khai bán xe cho Nguyễn Văn L nên cơ quan công an đã thu hồi xe để làm vật chứng trong vụ án.

Theo kết quả định giá tài sản số 16/KL-HĐ ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 xe mô tô biển số 66H6-8169, nhãn hiệu SWEAR màu đỏ - đen, (đã qua sử dụng) có giá trị 1.800.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSTB ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, b khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Vì có đủ cơ sở xác định Trần Văn T có 01 tiền án và 01 tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích và chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử lý hành chính mà lại thực hiện lấy trộm của anh Huỳnh Văn V một xe mô tô biển số 66H6-8169, nhãn hiệu SWEAR màu đỏ - đen loại xe nữ, dung tích 109cm³ (đã qua sử dụng) có giá trị 1.800.000 đồng sau đó bán cho Nguyễn Văn L lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức được là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, đã đủ cơ sở kết tội bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ, hậu quả tác hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nguyên nhân điều kiện dẫn đến phạm tội và nhân thân của bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của Bản án số 76/2023/HS-ST ngày 15/12/2023, bị cáo phải chấp hành hình phạt từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù; Về hình phạt bổ sung không áp dụng; Về xử lý vật chứng đã trả lại cho bị hại xong; Trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L có yêu cầu bồi thường số tiền mua xe 1.000.000 đồng, bị cáo T đã giao nộp được 650.000 đồng, còn phải bồi thường là 350.000 đồng cần chấp nhận.

Trong phần tranh luận bị cáo Trần Văn T thừa nhận tội, không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Trần Văn T thừa nhận với mục đích tìm tài sản để trộm nên vào lúc 17 giờ ngày 30/01/2024 bị cáo đã đi dọc theo đường dal nội đồng, thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, khi đến trại rẫy của anh Phan Hùng N1 thì thấy có một xe honda biển số 66H6-8169, nhãn hiệu SWEAR màu đỏ - đen của anh Huỳnh Văn V đang dựng kế cây công, trên xe có gắn chìa khóa, gần đó là anh V đang nằm ngủ trên võng, thấy vậy bị cáo tiếp cận dắt xe qua cầu kênh rồi dẫn tiếp khoảng 05m và nổ máy chạy xe đến xã K, huyện C, tỉnh An Giang bán xe cho Nguyễn Văn L với giá là 1.000.000 đồng, sau đó thuê anh L chở về lại xã T số tiền công là 150.000 đồng. Đến sáng ngày sau là ngày 31/01/2024 bị cáo đã đến Công an xã T tự thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo là đúng với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với vật chứng thu giữ được là xe honda biển số 66H6-8169, nhãn hiệu SWEAR màu đỏ - đen. Bị hại Huỳnh Văn V xác định đúng là tài sản mà anh bị mất trộm. Theo định giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 1.800.000 đồng tuy định lượng dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đã có một tiền sự và một tiền án về hành vi trộm cắp tài sản chưa hết thời hạn xóa tiền sự và chưa xóa án tích nên đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào điểm a, b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự có quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

5. người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là nguy hiểm cho xã hội làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, kỹ cương pháp luật bị xâm

hại, bị cáo không tôn trọng tài sản của người khác, xâm phạm khách thể là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ, tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng nhưng đã có một tiền án và tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, đồng thời bản thân bị cáo là người xấu. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo từ bỏ hành vi phạm tội.

Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự thú, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS, nên HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Qua lời khai của bị cáo có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày tại phiên tòa thể hiện bị cáo Trần Văn T không có nghề nghiệp, kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đồng thời phù hợp với phân tích, nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị mất trộm không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L có yêu cầu trả lại 1.000.000 đồng số tiền mua xe, bị cáo đã nộp lại 650.000 đồng do đó còn phải bồi thường là 350.000 đồng tại phiên tòa bị cáo thống nhất bồi thường nên cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: trả lại cho Nguyễn Văn L số tiền 650.000 đồng (thu giữ của bị cáo) vì đây là tiền mà anh L đã xuất ra mua xe của bị cáo.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1- Xử phạt Trần Văn T – 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2023/HS-ST ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt bị cáo về tội Trộm cắp tài sản. Buộc bị cáo chấp hành hình

phạt chung của hai Bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành (ngày 31/01/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho Nguyễn Văn L 350.000 đồng.

Đối với tiền bồi thường khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS:

- Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L số tiền 650.000 đồng.

(Tài sản trên đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình đang quản lý)

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án 15/8/2024. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CSĐT CA huyện Thanh Bình;
- THA HS CA huyện Thanh Bình;
- CC THA huyện Thanh Bình;; Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án. (Giang)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Phước Tự